TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2026
V/v: Tranh chấp yêu cầu xác định cha cho con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Kim Ngọc;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc "tranh chấp yêu cầu xác định cha cho con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1995, căn cước công dân số 042185007266; địa chỉ: Số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1990, căn cước số 068090002940; địa chỉ: Số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Anh K, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ E, ấp C, xã T, tỉnh An Giang, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 01 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà Lê Thị N và ông Đào Anh K là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2007 và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 02 tháng 5 năm 2007; bà N và ông K đã ly hôn theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tòa

án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Nội dung quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 về phần con chung thể hiện bà N và ông K có 01 con chung tên Đào Lê D1, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2007.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, bà N và ông D1 có 02 con chung tên tạm gọi là Lê Anh Đ và Lê Anh P. Đến tháng 01 năm 2026, bà N và ông D1 đi làm giấy khai sinh cho cháu Đ và cháu P thì được hướng dẫn đến Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thủ tục xác nhận ông D1 là cha ruột của cháu Đ và cháu P. Do đó, bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận ông Lê Văn D là cha ruột của cháu Lê Anh Đ, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 0004317, quyển số 0044 do Bệnh viện T cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020 và cháu Lê Anh P, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 0004316, quyển số 0044 do Bệnh viện T cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020.

Chứng cứ bà N cung cấp là Giấy chứng sinh số 0004317, quyển số 0044 do Bệnh viện T cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020; Giấy chứng sinh số 0004316, quyển số 0044 do Bệnh viện T cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020; Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; Phiếu kết quả phân tích DNA ngày 16 tháng 9 năm 2025.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn D: Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Anh K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày: Bà N và ông K là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2007, chung sống đến năm 2019 thì sống ly thân nhưng chưa làm thủ tục ly hôn; đến năm 2024, bà N và ông K mới ly hôn theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Năm 2019, bà N sống chung như vợ chồng với ông D; bà N và ông D có 02 con chung tên Lê Anh Đ và Lê Anh P, sinh năm 2020. Ông K xác định cháu Lê Anh Đ và Lê Anh P, sinh năm 2020 không phải là con chung của bà N và ông K.

Tại phiếu kết quả phân tích ADN số 2508515 và số 2508517 ngày 14 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần D2 – Chi nhánh phía Nam kết luận ông Lê Văn D và cháu Lê Anh Đ, cháu Lê Anh P, cùng sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020, có quan hệ huyết thống cha – con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương

sự là đúng theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận toàn bộ theo quy định tại các Điều 89, 91, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 21 tháng 01 năm 2026, bà Lê Thị N có đơn khởi kiện về việc yêu cầu xác định cha cho con với ông Lê Văn D nên đây là vụ án "tranh chấp yêu cầu xác định cha cho con" theo quy định tại các Điều 89, 91, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn ông Lê Văn D cư trú tại số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Các đương sự gồm bà N, ông D, ông K đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị N và ông Đào Anh K là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2007 và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 02 tháng 5 năm 2007; bà N và ông K đã ly hôn theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Nội dung quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 về phần con chung thể hiện bà N và ông K có 01 con chung tên Đào Lê D1, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2007.

[2.2] Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, xác định cháu tên tạm gọi Lê Anh Đ và Lê Anh P, cùng sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 là con của ông Lê Văn D; bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K đều thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Ngày 09 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 03/2026/QĐ-TCGĐ yêu cầu giám định GEN (ADN) để xác định quan hệ huyết thống cha con giữa

ông Lê Văn D, sinh năm 1990, căn cước số 068090002940 cấp ngày 29 tháng 4 năm 2025; địa chỉ: Số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh và cháu Lê Anh Đ, cháu Lê Anh P, cùng sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 có quan hệ huyết thống cha con hay không. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số 2508515 và số 2508517 ngày 14 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần D2 – Chi nhánh phía Nam kết luận ông Lê Văn D và cháu Lê Anh Đ, cháu Lê Anh P, cùng sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 có quan hệ huyết thống cha - con. Do đó bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án xác định quan hệ huyết thống cha con giữa ông Lê Văn D với cháu tên tạm gọi Lê Anh Đ và cháu tên tạm gọi Lê Anh P, cùng sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 là có căn cứ theo quy định tại Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với ông Lê Văn D về việc "tranh chấp yêu cầu xác định cha cho con".

Xác định ông Lê Văn D, sinh năm 1990, căn cước số 068090002940 cấp ngày 29 tháng 4 năm 2025; địa chỉ: Số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh là cha ruột của cháu có tên tạm gọi Lê Anh Đ, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 (theo Giấy chứng sinh số 0004317, quyển số 0044 do Bệnh viện T cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020) và cháu tên tạm gọi Lê Anh P, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 (theo Giấy chứng sinh số 0004316, quyển số 0044 do Bệnh viện T cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TAND KHU VỰC 15

YWU100426.TL.QDBA
10:10

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thuý Hằng